

Bản án số:33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2018

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đặng Văn Hai;

2. Ông: Tô Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05/02/2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-HNGĐ, ngày 03/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1970; (có mặt)

Địa chỉ: 49/1, tổ 4, khóm T T, phường HT, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: 804A/4, ấp LTA, xã L H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 25/01/2018; Các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Nguyễn Thị K trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990 bà K và ông H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H

thường hay uống rượu, đánh đập bà K, gia đình đã nhiều lần khuyên can, ngoài ra bà K có nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết, ông H viết cam kết nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi. Bà và ông H đã ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2014 đến nay. Nay bà K không còn tình cảm với ông H, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Nguyễn Thị K xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H;

* Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T T, sinh ngày 22/3/1992, Nguyễn Thị T T, sinh ngày 23/3/1996. Hai người con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

* Về tài sản và nợ khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị K không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp cũng như phiên hòa giải bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, Nguyễn Thị K trình bày là đúng. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng bắt đầu có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông H và bà K đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Ông H thừa nhận hiện nay ông không còn tình cảm với bà K nhưng vì 02 người con nên ông muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nhau lo cho con, ông H không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

* Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T T, sinh ngày 22/3/1992, Nguyễn Thị T T, sinh ngày 23/3/1996. Hai người con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

* Về tài sản và nợ khi ly hôn: ông Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà K với ông Nguyễn Văn H, đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại số nhà 804A/4, ấp L T A, xã LH, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. Cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định

tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do bà K và ông H không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị T T, sinh ngày 22/3/1992, Nguyễn Thị T T, sinh ngày 23/3/1996. Hai người con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị K và Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai số 0001090, ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/4/2018). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Huyền